

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2023/DS-PT
Ngày 18-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
Ông Lê Sỹ Trứ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLPT-DS ngày 12/01/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 131/2023/QĐPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1976; nơi thường trú: số 51A, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lưu Văn B, sinh năm 1977; nơi thường trú: tổ 6, ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi tạm trú: khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (hợp đồng ủy quyền ngày 22 tháng 01 năm 2022); có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Võ Quốc C, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Phương T, sinh năm 1983; cùng nơi thường trú: đường T, khu phố T1, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần T1, sinh năm 1979; nơi thường trú: tổ 13, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nơi tạm trú: đường P, tổ 10, khu phố B, phường P, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, (hợp đồng ủy quyền ngày 08 tháng 4 năm 2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Âu Thị T2, sinh năm 1953; nơi thường trú: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Võ Quốc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Trung H và vợ chồng ông Võ Quốc C, bà Lê Thị Phương T là chỗ bạn bè thân thiết.

Do thiếu vốn làm ăn nên ngày 14/02/2017, ông C và bà T đã nhờ ông H tìm nguồn vốn vay giúp cho ông C và bà T. Sau khi vạch ra nhiều phương án vay tiền cho ông C và bà T không khả thi, cuối cùng ông H chốt lại phương án nhờ mẹ ông H (bà Âu Thị T2, sinh năm 1953; địa chỉ: số 51A, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương) vay ngân hàng 900.000.000 đồng để cho ông C và bà T vay lại. Sau khi có tiền, ông H hỏi mượn số tiền của bà T2 và ông H là người trực tiếp cho ông C và bà T vay số tiền 900.000.000 đồng. Vợ chồng ông C và bà T có hứa miệng sẽ trả lãi hàng tháng, khi nào lấy lại tiền gốc thì báo và vợ chồng ông C và bà T sẽ trả lại ngay. Khi vay, vợ chồng ông C và bà T đã viết và ký tên vào giấy mượn nợ đề ngày 14/02/2017. Kể từ khi nhận tiền đến nay đã 04 năm nhưng vợ chồng ông C và bà T không trả số nợ đã vay cho ông H và cũng không trả lãi theo như thỏa thuận.

Ngày 24/4/2020, ông H có gửi thông báo cho vợ chồng ông C và bà T yêu cầu thanh toán nợ (kèm theo biên nhận gửi bưu điện đóng dấu ngày 28/4/2020). Tuy nhiên, khi nhận thông báo này, vợ chồng ông C và bà T hứa sẽ trả nợ gốc và lãi nhưng vẫn không trả. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông C và bà T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 900.000.000 đồng và lãi suất vay 1%/tháng (tính từ ngày 14/02/2017 đến ngày 14/5/2021) là 52 tháng x 9.000.000 đồng = 468.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.368.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi. Yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 20/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022) là 28 tháng x 900.000.000 đồng x 1%/tháng = 210.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu trả tiền gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi 210.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.110.000.000 đồng.

- *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Do quen biết nên khi thiếu vốn làm ăn, ông C và bà T có vay của ông H 04 lần tiền, cụ thể:

Lần 1: Đầu năm 2014, vay 200.000.000 đồng nguồn tiền từ việc ông H mượn của bà Âu Thị T2 (mẹ ông H);

Lần 2: Sau 2 tháng kể từ lần vay thứ nhất, ông C và bà T vay tiếp 150.000.000 đồng,

Lần 3: Sau 03 tháng kể từ lần vay thứ 2, ông C và bà T vay tiếp 150.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 lần vay là 500.000.000 đồng. Lãi suất cho các lần vay là 08%/tháng, mỗi tháng ông C và bà T phải đóng tiền lãi cho ông H là 40.000.000 đồng.

Đầu năm 2015, do ông C và bà T gặp khó khăn trong làm ăn nên có gặp ông H để thương lượng lại mức lãi suất là 04%/tháng đối với toàn bộ số nợ 500.000.000 đồng. Ông H đồng ý nhưng với điều kiện ông C và bà T phải trả cho ông H 50.000.000 đồng trong tổng số tiền đã cho vay 500.000.000 đồng. Ông C và bà T, thống nhất và có thanh toán cho ông H 50.000.000 đồng. Tính đến đầu năm 2015, sau khi thanh toán 50.000.000 đồng, ông C và bà T chỉ còn nợ ông H 450.000.000 đồng, lãi suất là 04%/tháng. Như vậy, tiền lãi mỗi tháng ông C và bà T phải đóng cho ông H là 18.000.000 đồng. Do không thanh toán được lãi nên khoảng 11 tháng sau ông H thỏa thuận với ông C và bà T là đi vay 200.000.000 đồng của một người bạn để trả lãi cho bà T2 (mẹ ông H). Như vậy, xem như ông C và bà T đã đóng xong 11 tháng tiền lãi còn thiếu của bà T2 (mẹ ông H).

Ngoài việc đóng lãi vay cho số tiền còn nợ trước đây 450.000.000 đồng, ông H còn tính toán các khoản lãi khác, cụ thể như sau:

Đối với số tiền 200.000.000 đồng ông vay dùm để trả 11 tháng tiền lãi cho bà T2, khoản vay này ông H tính lãi suất là 10%/tháng (tương đương 20.000.000 đồng), ông C và bà T đóng lãi được 2-3 tháng, việc đóng lãi không có giấy tờ.

Sau 02 đến 03 tháng ông H cho rằng còn thiếu tiền lãi cho khoản vay 450.000.000 đồng nên ông H vay thêm bên ngoài 30.000.000 đồng đóng cho bà T2 (mẹ ông) và lãi suất cho khoản vay 30.000.000 đồng là 08%/tháng (tương đương 2.400.000 đồng).

Vài tháng sau ông H tính toán phần lãi còn thiếu không đóng đủ nên ông tự ý đi mượn thêm 80.000.000 đồng trả cho mẹ ông (bà T2), lãi suất 07%/tháng (tương đương 5.600.000 đồng).

Tiếp tục vài tháng sau ông H tính toán phần lãi còn thiếu là 40.000.000 đồng nên ông H vay thêm bên ngoài để đóng cho bà T2 (mẹ ông H) lần này lãi suất 10%/tháng (tương đương 4.000.000 đồng).

Vài tháng sau ông H nói ông C và bà T còn thiếu tiền lãi 40.000.000 đồng nên phải vay thêm bên ngoài đóng cho mẹ ông với mức lãi suất 10%/tháng (tương đương 4.000.000 đồng).

Do không có khả năng trả gốc và không có khả năng thanh toán lãi chồng lãi nên ông C và bà T có trao đổi với ông H nhưng ông H không ý kiến mà vẫn nhận tiền lãi như bình thường.

Một tháng sau, ông H có giao cho ông C và bà T mượn 01 lượng 04 chỉ vàng, mục đích để ông C đem bán lấy tiền trả lãi cho mẹ ông H (bà T2). Ông C đem bán được hơn ba mươi triệu, số tiền này ông C đưa lại cho ông H để trả lãi cho bà T2 (mẹ ông H).

Do không trả được gốc và lãi nên ông H yêu cầu ông C và bà T viết giấy nợ, ông C và bà T có viết giấy mượn nợ với số tiền 900.000.000 đồng nhưng thực tế thì chỉ là 450.000.000 đồng. Do đó, ông C và bà T không đồng ý trả số tiền 900.000.000 đồng và tiền lãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị T2 trình bày:* thống nhất về mối quan hệ giữa ông H, ông C và bà T. Về số tiền ông H cho ông C và bà T vay là của bà T2 có được từ việc bà vay thế chấp tại Ngân hàng. Tuy nhiên, đây là giao dịch vay giữa ông H, ông C và bà T, bà T2 không trực tiếp cho ông C và bà T vay. Do đó, bà T2 không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa ông H, ông C và bà T. Trong vụ án này, bà T2 không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ông H. Bà T2 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.110.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt khi khai mạc phiên tòa nhưng tự ý bỏ về tại phần tranh tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T.

2. Buộc ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Trung H số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022) là 1.110.000.000 đồng (một tỷ một trăm mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử ngày 03/10/2022, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là phù hợp, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, bị đơn yêu cầu nhập vụ án giữa nguyên đơn bà Âu Thị T2 với vợ chồng bị đơn ông Võ Quốc C, bà Lê Thị Phương T và vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trung H với vợ chồng bị đơn. Tòa án sơ thẩm xét quan hệ tranh chấp giữa hai nguyên đơn khác nhau với chứng cứ giấy mượn tiền nợ khác ngày vay mượn nên không chấp nhận. Xét thấy, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 32/2023/DS-PT ngày 02/2/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã xét xử phúc thẩm giữa nguyên đơn bà T2 với bị đơn vợ chồng ông C, bà T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo bản án phúc thẩm, vợ chồng bị đơn ông C, bà T phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà T2 số tiền 597.900.000 đồng.

Đối với yêu cầu thu thập chứng cứ của bị đơn, Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu Công an phường A và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T có công văn phúc đáp xác định: ngày 10/12/2020 ông Nguyễn Trung H cùng một số đối tượng đến nhà ông C đòi nợ và có lời lẽ, hành vi chửi bới, đe dọa, xúc phạm vợ chồng ông C. Công an phường làm việc các đối tượng thừa nhận những hành vi trên, công an phường đã ra quyết định xử phạt hành chính các đối tượng.

Đối với việc cho vay lãi nặng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T xác định: sau khi nhận đơn của ông Võ Quốc C tố giác tội phạm về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” cơ quan điều tra đã mời ông C làm việc nhưng ông C không có mặt. Theo Công văn số 1364/CSĐT-HS ngày 14/9/2022 của Công an thành phố T phúc đáp Công văn số 332 ngày 01/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T thì hiện công an tiếp tục xác minh làm rõ nội dung ông C trình bày.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Tưởng cung cấp 01 USB, tuy nhiên, ông Tưởng không cung cấp được nguồn gốc, xuất xứ của USB này cũng như không có văn bản giải trình về nội dung của USB nên không có căn cứ xem xét.

Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Tưởng có đề nghị triệu tập Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm để đối chất, xét thấy yêu cầu này của ông Tưởng là không có căn cứ chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T2.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung H khởi kiện yêu cầu ông Võ Quốc C, bà Lê Thị Phương T trả số tiền vay 900.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 14/02/2017 đến 14/5/2021 là 468.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.368.000.000 đồng. Tại phiên toàn sơ thẩm ngày 22/9/2022, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi được tính từ ngày 20/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022) là 28 tháng, lãi suất 01%/tháng bằng 210.000.000 đồng. Tổng cộng 1.110.000.000 đồng (gốc là 900.000.000 đồng + lãi 210.000.000 đồng).

Quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, cũng như tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: tại Giấy mượn nợ ngày 14/02/2017 (bút lục 13) có nội dung: *“vợ chồng tôi Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T chúng tôi làm giấy này xác nhận có mượn của anh Hòa số tiền là: 900.000.000 đồng để làm ăn, thời gian hoàn trả sẽ do hai bên thỏa thuận. Chúng tôi cam kết hoàn trả đủ số tiền trên đúng theo thỏa thuận”*. Vợ chồng ông C, bà T ký tên, ghi rõ họ tên.

Tại Biên bản hòa giải (bút lục 81) ngày 02/3/2022 bị đơn bà T thừa nhận Giấy mượn nợ ngày 14/02/2017 là do bà viết, ông C có đọc lại nội dung giấy mượn nợ và ông C, bà T đồng ý ký tên, ghi rõ họ tên. Sự thừa nhận của ông C, bà T là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, vợ chồng bị đơn cho rằng Giấy mượn nợ ngày 14/02/2017, bị đơn không đồng ý thanh toán vì không có vay mượn của nguyên đơn số tiền 900.000.000 đồng. Vợ chồng bị đơn ông C xác định chỉ có vay số tiền 500.000.000 đồng và đã trả được 50.000.000 đồng, còn lại là 450.000.000 đồng. Do đó bị đơn không đồng ý trả số tiền 900.000.000 đồng và tiền lãi.

Vợ chồng bị đơn cho rằng do chưa có tiền trả nên ông H ép buộc bị đơn ông C, bà T phải làm giấy mượn nợ ngày 14/02/2017 với nội dung ông C, bà T vay của ông H số tiền 900.000.000 đồng, ông H còn có hành vi cho vay lãi nặng. Quá trình tố tụng cũng giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ, chứng minh nguyên đơn ông H có hành vi ép buộc bà T, ông C ký tên vào Giấy mượn nợ ngày 14/02/2017 như đã trình bày trên nên không có căn cứ xem xét.

Do đó có thể khẳng định vợ chồng bị đơn ông C, bà T đã vay số tiền 900.000.000 đồng của nguyên đơn ông H chưa thanh toán. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn phải thanh toán trả số tiền 900.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn:

Theo Giấy mượn tiền ngày 14/02/2017 bị đơn ông C, bà T xác nhận có mượn số tiền 900.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Nguyên đơn cho rằng từ khi cho bị đơn vay đến khi khởi kiện bị đơn không trả tiền gốc và lãi. Đối với bị đơn cho rằng đã trả lãi hàng tháng cho nguyên đơn 08%/tháng nhưng nguyên đơn ông H không thừa nhận đã nhận tiền lãi và bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận cho bị đơn.

Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 20/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 28 tháng x 900.000.000 đồng x 10%/năm = 210.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền 900.000.000 đồng của bà Âu Thị T2 (mẹ ruột) của ông H đã cho ông H mượn, bà T2 không tranh chấp hay yêu cầu gì khác đối với ông H. Trường hợp bà T2 tranh chấp có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn ông Võ Quốc C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Võ Quốc C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông C đã nộp (ông Trần Tường nộp thay) theo Biên lai thu tiền số 0003419 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Dũng